

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 325/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1988;

Trú tại: Số 97, đường ĐX 101, tổ 64, khu phố X, phường HA, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Có mặt;

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1984;

Trú tại: Số 584/2A, tổ 8, ấp AT, xã PA, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2018 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Thanh P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã TDM (nay là phường TA, thành phố TDM), tỉnh Bình Dương từ năm 2007. Hôn nhân hoàn toàn do hai bên tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ đầu năm 2013 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông P thường uống rượu say xỉn về nhà kiếm có đánh, mắng vợ con, đuổi vợ con ra khỏi nhà, khóa cửa không cho vào nhà. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu chăm sóc cho nhau mà đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Nay nhận thấy đã 05 năm nay vợ chồng không chung sống với nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông P có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ánh Tt, sinh ngày 11/11/2007. Từ năm 2013 cho đến nay, bà T cùng cháu Tt về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở phường HA, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Nay bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tt. Bà T không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P không tham gia tố tụng cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn là phù hợp và nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Nguyễn Thanh P vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông P vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã TDM (nay là phường TA, thành phố TDM), tỉnh Bình Dương vào năm 2007, hôn nhân giữa bà T và ông P là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì đến năm 2013 vợ chồng bà T và ông P bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nên hay gây gổ, cãi vã nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Bà T và ông P đã không còn chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay.

Mặt khác, quá trình tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng ông P đều không đến và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy rằng ông P không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng. Xét mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, xét thấy cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông P để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà T và ông P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh Tt, sinh ngày 11/11/2007. Hiện tại cháu Tt đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tt.

Theo Bản tự khai đề ngày 15/5/2018, cháu Tt có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy cháu Tt hiện nay đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của cháu là hoàn toàn chính đáng, phù hợp. Để đảm bảo sự phát triển, ổn định về tâm, sinh lý của cháu thì cần giao cháu Tt cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý. Bà T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu Tt cho bà T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh P về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ánh Tt, sinh ngày 11/11/2007 cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Thanh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của cháu Tt, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau này nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0025389 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- UBND phường Tân An, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

Đậu Thị Thảo

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm

Nguyễn Kim Lý

Đậu Thị Thảo